

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SƠN DƯƠNG
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 42/2025/HNGĐ-ST

Ngày 19/6/2025

“V/v: Hủy hôn nhân trái pháp luật”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG, TỈNH TUYÊN QUANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tạ Hồng Chiến.
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Danh Long và ông Hoàng Văn Hùng.
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Hoàng Thế Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa:* Bà Lương Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 56/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2025 về việc *“Hủy hôn nhân trái pháp luật”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 25 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Trần Thị H**, sinh năm 1984. Địa chỉ: Khu phố X, phường Đ, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh (có đơn xin xét xử vắng mặt)
- *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Quang T** (Nguyễn Quang T1), sinh năm 1988. Địa chỉ: Thôn B, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang (vắng mặt không có lý do).
- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; Người đại diện theo pháp luật: Ông Phùng Ngọc V - Chức vụ: Chủ tịch UBND xã (có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1984 và anh Nguyễn Quang T (T1), sinh năm 1988 kết hôn với nhau vào năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa

phương, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã T), huyện S, tỉnh Tuyên Quang vào ngày 03 tháng 11 năm 2006. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống và làm việc tại xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Đến đầu năm 2008 anh chị phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng, năm 2010 chị chuyển về thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh sống, anh chị ly thân từ đó đến nay. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, tháng 02 năm 2025 chị Nguyễn Thị H1 có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương hủy hôn nhân trái pháp luật và giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quang T.

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H1 trình bày: Chị và anh Nguyễn Quang T (Thêm) kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (xã T cũ), huyện S. Nhưng đến đầu năm 2008 chị và anh T phát sinh mâu thuẫn do hai vợ chồng có nhiều bất đồng quan điểm sống, tính tình, suy nghĩ không còn hợp nhau, không có tiếng nói chung, anh T ham chơi, không chịu khó làm kinh tế lo toan cuộc sống gia đình nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xích mích.... mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, không có hạnh phúc. Hiện tại chị và anh T sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Theo các giấy tờ hiện nay thì anh T, sinh ngày 01/01/1988, chị và anh T đăng ký kết hôn vào ngày 03/11/2006 tại UBND xã T, khi đó anh T chưa đủ tuổi kết hôn. Do vậy, chị đề nghị Tòa án hủy Hôn nhân trái pháp luật và giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quang T (Thêm).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đại diện UBND xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang trình bày: Chị Trần Thị H với anh Nguyễn Quang T có đến UBND xã làm thủ tục đăng ký kết hôn là đúng, tuy nhiên do thời gian đã lâu, do có việc sáp nhập đơn vị hành chính của 02 xã là xã T, huyện S và xã T, huyện S thành xã T, huyện S như hiện nay nên UBND xã T không xác định được nội dung vụ việc. Căn cứ sổ Đăng ký kết hôn số 01/2005 lưu trữ tại Ủy ban nhân dân xã T4 tại số T có thông tin đăng ký kết hôn giữa chị Trần Thị H, sinh năm 1984 với anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1988, đăng ký kết hôn ngày 03/11/2006. Căn cứ năm sinh của anh T với ngày đăng ký kết hôn thì khi đăng ký anh T vẫn chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương xem xét hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Trần Thị H với anh Nguyễn Quang T.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Quang T (Thêm) có 01 con chung là Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 15/8/2007. Chị H1 có quan điểm đề nghị Tòa án giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh A cho chị là người trực tiếp trông

nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, chị không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Lời khai của cháu Nguyễn Thị Quỳnh A có trong hồ sơ thể hiện nguyện vọng của cháu là được sống cùng với mẹ.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị H1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kết quả xác minh thể hiện: Chị Nguyễn Thị H1 hiện đăng ký hộ khẩu thường trú tại Khu phố X, phường Đ, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh. Anh Nguyễn Quang T (Thêm) hiện đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Chị H1 và anh T kết hôn với nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T (nay là xã T), huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn anh chị sinh sống và làm việc tại xã T (nay là xã T), huyện S. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc sau phát sinh mâu thuẫn, anh chị sống ly thân từ năm 2010 đến nay. Hiện tại anh T đi làm ăn xa, không có mặt ở địa phương, khi đi anh không báo chính quyền địa phương, không khai báo tạm trú tạm vắng nên không xác định được địa chỉ.

Qua rà soát tại sổ đăng ký kết hôn của UBND xã T thể hiện tại sổ Đăng ký kết hôn 01/2005 (mở sổ ngày 01/01/2005, khóa sổ ngày 22/12/2006) tại số thứ tự 27 có thông tin đăng ký kết hôn giữa chị Trần Thị H, sinh ngày 23/3/1984 với anh Nguyễn Quang T, sinh năm 1988, đăng ký kết hôn ngày 03/11/2006. Căn cứ năm sinh của anh T với ngày đăng ký kết hôn thì khi đăng ký anh T vẫn chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. UBND xã T, huyện S đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương xem xét hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Trần Thị H với anh Nguyễn Quang T (Thêm).

Anh Nguyễn Quang T hiện đi làm ăn xa, không có mặt ở địa phương, không xác định được địa chỉ. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương không triệu tập được anh T đến trụ sở Tòa án để lấy lời khai, Tòa án chỉ tổ chức phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ mà không tiến hành phiên hòa giải được.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khi tham gia tố tụng đều

đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng đối với bị đơn anh Nguyễn Quang T (T1) không chấp hành nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Quang T (Thêm) kết hôn vào năm 2006 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã T), huyện S, khi đăng ký kết hôn anh T chưa đủ tuổi kết hôn theo quy định nên hôn nhân của anh chị vi phạm điều kiện kết hôn, là hôn nhân không hợp pháp. Căn cứ vào Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, Điều 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị HĐXX tuyên bố hủy hôn nhân trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Quang T (Thêm); về con chung: giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 15/8/2007 cho chị Nguyễn Thị H1 là người trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục theo quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; về tài sản chung, về vay nợ chung: Chị Nguyễn Thị H1 xác định không có, không đề nghị giải quyết nên không đề cập xử lý.

Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị HĐXX giải quyết về án phí và tuyên quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về tố tụng và quan hệ pháp luật: Theo đơn khởi kiện chị Nguyễn Thị H1 đề nghị Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quang T (Thêm) và tuyên hủy hôn nhân trái pháp luật do khi kết hôn anh T chưa đủ tuổi; đề nghị giải quyết việc giao nuôi con chung theo quy định pháp luật; không đề nghị giải quyết về tài sản, công nợ chung. Căn cứ kết quả xác minh thể hiện bị đơn anh Nguyễn Quang T (Thêm) hiện đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn B, xã T, huyện S, tỉnh Tuyên Quang, hiện anh T đi làm ăn xa, không xác định được địa chỉ. Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn anh Nguyễn Quang T (Thêm) đến Tòa án làm việc nhưng anh T không đến. Đây được xác định thuộc trường hợp bị đơn cố tình dấu địa chỉ và trốn tránh nghĩa vụ.

Do vậy, quan hệ pháp luật ở đây được xác định là Hủy hôn nhân trái pháp luật, giao nuôi con chung, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại Điều 28, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H2; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đại diện UBND xã T có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Quang T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Quang T (Thêm) kết hôn với nhau trên cơ sở được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T (nay UBND xã T), huyện S, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Xác định tình cảm vợ chồng không còn chị Nguyễn Thị H1 có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án hủy hôn nhân trái pháp luật và giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Quang T2 (Thêm).

Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyển số 01/05-06 ngày 03/11/2006 của Ủy ban nhân dân xã T (nay UBND xã T), huyện S, tỉnh Tuyên Quang thể hiện chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Quang T (Thêm) đăng ký kết hôn vào ngày 03/11/2006. Theo xác nhận thông tin cư trú mang tên Nguyễn Quang T1 thể hiện anh Nguyễn Quang T, sinh ngày 01/01/1988.

Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định về Điều kiện kết hôn thể hiện: *“Nam nữ kết hôn với nhau phải tuân theo các điều kiện sau đây:*

1. N từ hai mươi tuổi trở lên, nữ từ mười tám tuổi trở lên;

2. ... ”

Như vậy, tại thời điểm đăng ký kết hôn anh T được 18 tuổi 10 tháng 02 ngày, theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 thì anh T chưa đủ tuổi kết hôn, việc đăng ký kết hôn giữa chị H1 và anh T (Thêm) vi phạm điều kiện kết hôn, là hôn nhân trái pháp luật.

Khoản 2 Điều 4 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

2. Trường hợp tại thời điểm kết hôn, hai bên kết hôn không có đủ điều kiện kết hôn nhưng sau đó có đủ điều kiện kết hôn quy định tại Điều 8 của Luật hôn nhân và gia đình thì Tòa án xử lý như sau:

a)...

b) Nếu một hoặc hai bên yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc có một bên yêu cầu công nhận quan hệ hôn nhân hoặc có một bên yêu cầu ly hôn

còn bên kia không có yêu cầu thì Tòa án quyết định hủy việc kết hôn trái pháp luật. Trường hợp có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thì quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên từ thời điểm kết hôn đến thời điểm hủy việc kết hôn trái pháp luật được giải quyết theo quy định tại Điều 12 của Luật hôn nhân và gia đình”....

Tại thời điểm Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương thụ lý đơn khởi kiện của chị H1 thì chị H1 và anh T đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình giải quyết chị H1 có quan điểm đề nghị Tòa án tuyên hủy hôn nhân trái pháp luật của anh chị và giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Căn cứ theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 11, 12 - Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT ngày 06/01/2016 có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn tuyên hủy hôn nhân trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Quang T (T1), chị H1 và anh T chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

2.2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Quang T có 01 con chung là Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 15/8/2007.

Xét thấy, cháu Nguyễn Thị Quỳnh A là con chung của chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Quang T (Thêm) nên anh chị đều cùng phải có nghĩa vụ và trách nhiệm đối với cháu. Quá trình giải quyết chị Nguyễn Thị H1 có quan điểm đề nghị giao cháu cho chị H1 được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Lời khai của cháu Nguyễn Thị Quỳnh A thể hiện nguyện vọng của cháu là được sống cùng với mẹ. Để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của con chung và đảm bảo quyền lợi của các đương sự sau khi ly hôn, cần giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 15/8/2007 cho chị Nguyễn Thị H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh Nguyễn Quang T (Thêm) không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Quang T (Thêm) không có, không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định pháp luật.

[4]. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 11, 12, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 về việc hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Hủy Hôn nhân trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Quang T (Nguyễn Quang T3).

(Giấy chứng nhận kết hôn số 27, quyển số 01/05-06 ngày 03/11/2006 của Ủy ban nhân dân xã T (nay là xã T), huyện S, tỉnh Tuyên Quang).

Chị Nguyễn Thị H1 và anh Nguyễn Quang T (Nguyễn Quang T1) chấm dứt quan hệ như vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh A, sinh ngày 15/8/2007 cho chị Nguyễn Thị H1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Nguyễn Quang T (Thêm) không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H1 phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000003030500 ngày 21/02/2025 của Công ty cổ phần T5 và Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 000015 ngày 21/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Sơn Dương. Chị Nguyễn Thị H1 đã nộp đủ án phí của vụ án.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TQ;
- VKSND huyện SD;
- Chi cục THADS huyện SD;
- UBND xã T, huyện SD;
- UBND phường Đ, thị xã Q;
- Tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu VT- HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Hồng Chiến